

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỄN THÔNG ĐỒNG THÁP
(Sửa đổi bổ sung lần thứ 5 ngày 05 tháng 05 năm 2021)

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2002 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Quyết định số: 07/2004/QĐ-BBCVT ngày 02 tháng 02 năm 2004 của Bộ Bưu chính Viễn thông về việc chuyển Công ty Xây lắp Bưu Điện thuộc Bưu điện tỉnh Đồng Tháp thành Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chúng tôi, những cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp vào ngày 19 tháng 11 năm 2004 và sửa đổi, bổ sung lần thứ 4 vào ngày 21 tháng 04 năm 2017 nhất trí thông qua và cùng nhau cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên Công ty

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỄN THÔNG ĐỒNG THÁP**

Tên giao dịch: **DONGTHAP TELECOMMUNICATION INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **DTC**

- 1.1 Hình thức: Công ty cổ phần.
- 1.2 Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp có 05 cổ đông sáng lập (danh sách cổ đông sáng lập được ghi chi tiết tại Phụ lục 01 của bản Điều lệ).

Điều 2: Trụ sở Công ty

- Địa chỉ: 209 – 211 – 213, Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.
- Điện thoại: 0277.3853855.
- Fax: 0277.3853602.

Điều 3: Tư cách pháp nhân

Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp:

- 3.1 Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- 3.2 Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- 3.3 Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- 3.4 Chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ;
- 3.5 Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính;
- 3.6 Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4: Mục tiêu và lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty

4.1 Mục tiêu:

- a. Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Công ty nhằm tối đa hoá các nguồn lợi nhuận có thể có được của Công ty; đảm bảo lợi ích của các cổ đông;
- b. Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty;
- c. Đóng góp cho ngân sách nhà nước.

4.2 Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	3511	Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời.
2	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế.
3	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng kết cấu công trình.
4	1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng.
5	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
6	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt các công trình chuyên ngành bưu chính viễn thông, điện tử, tin học. Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng, lắp ráp khung nhà thép công nghiệp.
7	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng, đồ dùng nội thất văn phòng, dụng cụ thiết bị chuyên ngành y tế, vật tư dụng cụ bảo hộ lao động.

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
8	2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. Chi tiết: Sản xuất mô tơ, bộ nạp, máy lưu điện, bảng điện, bảng điều khiển các loại.
9	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.
10	7110 (Chính)	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư, hỗ trợ xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính viễn thông, điện tử, tin học, công nghiệp và dân dụng. Thiết kế xây dựng công trình bưu chính viễn thông (cáp và máy thông tin). Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, vỏ bao che công trình công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng). Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ công trình viễn thông. Thiết kế hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.
11	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
12	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán gỗ.
13	9521	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng điều hòa không khí, máy giặt, máy sấy, tủ lạnh, máy hút ẩm, hút khí, khử mùi, máy khâu, dụng cụ cầm tay, đồ điện, mạng điện gia dụng, thiết bị chụp ảnh, sửa chữa tivi, loa, đài, tăng âm, dụng cụ thiết bị phòng cháy chữa cháy.
14	4312	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng.

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
15	5224	Bốc xếp hàng hóa.
16	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
17	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị viễn thông, tin học, thiết bị công nghiệp và dân dụng, dụng cụ thiết bị chuyên ngành y tế, dụng cụ thiết bị phòng cháy chữa cháy. Lắp đặt các thiết bị truyền thanh, truyền hình.
18	6130	Hoạt động viễn thông vệ tinh. Chi tiết: Kinh doanh truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh.
19	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng.
20	2732	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác. Chi tiết: Sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện khác.
21	3011	Đóng tàu và cầu kiện nổi. Chi tiết: Đóng tàu và cầu kiện nổi, thuyền, xuồng thể thao và giải trí.
22	1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác.
23	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
24	3700	Thoát nước và xử lý nước thải.
25	4741	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
26	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.
27	4321	Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống chiếu sáng, cột ăng ten. Thi công, lắp

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
		đặt, bảo dưỡng hệ thống điện năng lượng mặt trời.
28	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán các loại vật tư thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện tử phát sóng, linh kiện điện thoại, máy điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm, đồ giải trí gia đình và đồ điện gia dụng, đồ gia dụng, kim khí, dụng cụ thiết bị phòng cháy chữa cháy. Cung cấp các thiết bị truyền thanh, truyền hình.
29	1820	Sao chép bản ghi các loại. Chi tiết: Sao chép băng đĩa các loại.
30	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu.
31	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên, nội tỉnh.
32	3319	Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa dụng cụ thiết bị chuyên ngành y tế.
33	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.
34	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
35	1610	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.
36	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị viễn thông, tin học, thiết bị công nghiệp và dân dụng, máy vi tính, máy văn phòng, thiết bị điện, máy biến thế.
37	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng.

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
38	6110	Hoạt động viễn thông có dây. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ điện thoại có dây.
39	6120	Hoạt động viễn thông không dây. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ điện thoại không dây.
40	3100	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế,...bằng gỗ, bằng vật liệu khác.
41	7710	Cho thuê xe có động cơ.
42	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng xà lan.
43	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện kim loại, khung nhà thép công nghiệp.
44	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.
45	6190	Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ internet.
46	2790	Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện.
47	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Đầu tư khai thác chợ.
48	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch không nung, gạch cốt liệu.

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
49	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
50	2513	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm).
51	4101	Xây dựng nhà để ở.
52	4102	Xây dựng nhà không để ở.
53	4212	Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường).
54	4229	Xây dựng công trình công ích khác. Chi tiết: Xây dựng công trình cống, công trình công ích khác.
55	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước.
56	4291	Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi.
57	4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc.
58	3512	Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện mặt trời.
59	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.
60	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành điện năng lượng mặt trời.
61	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
62	4221	Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây dựng công trình đường điện trung, hạ thế và trạm biến áp.

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
63	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
64	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Đầu tư và cho thuê hạ tầng viễn thông, trụ anten các loại, trạm BTS các loại.
65	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng và các vật liệu, phụ kiện chuyên ngành bưu chính viễn thông.
66	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt.

Điều 5: Thời hạn hoạt động

- 5.1 Thời hạn hoạt động của Công ty là vĩnh viễn tính từ ngày hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh; trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 58.
- 5.2 Việc chấm dứt hoạt động của Công ty phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của bản Điều lệ này và được tiến hành theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty

- 6.1 Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp luôn có ít nhất 03 cổ đông trở lên. Các cổ đông tham gia góp vốn đều là đồng chủ sở hữu Công ty. Cổ đông có thể là pháp nhân hay thể nhân. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn cổ phần mà họ đã góp đủ;
- 6.2 Công ty được tổ chức quản trị và điều hành theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định khác trong bản Điều lệ này;
- 6.3 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty;

- 6.4 Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty giữa các kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty;
- 6.5 Quản lý điều hành hoạt động của Công ty là Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm;
- 6.6 Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban Công ty;
- 6.7 Các đơn vị thành viên của Công ty bao gồm các chi nhánh, văn phòng đại diện và công ty trực thuộc.

Điều 7: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác

- 7.1 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- 7.2 Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 7.3 Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

MỤC 1

QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

Điều 8: Quyền của Công ty

- 8.1 Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược kinh doanh của Công ty;
- 8.2 Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- 8.3 Tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm hay kinh doanh có điều kiện; mở rộng quy mô theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường;

- 8.4 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể Công ty; thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc;
- 8.5 Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, liên kết, góp vốn, mua cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với mục đích phát triển Công ty;
- 8.6 Được mở tài khoản ở nước ngoài, được đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- 8.7 Tìm kiếm thị trường, chọn lựa khách hàng; trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 8.8 Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả chuyên gia nước ngoài khi cần thiết theo đúng quy định của pháp luật. Lựa chọn hình thức trả lương, phân phối thu nhập, quyết định mức lương cho người lao động theo quy định của pháp luật;
- 8.9 Quyết định giá mua, giá bán các loại vật tư, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định;
- 8.10 Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ cho các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lãi;
- 8.11 Lựa chọn hình thức, cách thức huy động vốn từ các nguồn trong và ngoài nước. Được phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật;
- 8.12 Được thanh lý, chuyển nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và nguyên tắc bảo toàn vốn;
- 8.13 Được quyền quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 8.14 Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
- 8.15 Được hưởng các quyền khác do pháp luật quy định.

MỤC 2

NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 9: Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- 9.1 Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước các khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện;
- 9.2 Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường;
- 9.3 Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác;
- 9.4 Thực hiện các nghĩa vụ với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động; đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thỏa ước lao động tập thể và các quy chế khác;
- 9.5 Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng chống cháy nổ;
- 9.6 Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo;
- 9.7 Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

- 10.1 Thực hiện đúng chế độ và các quy định về hạch toán, kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty;
- 10.2 Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
- 10.3 Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty;
- 10.4 Công ty có nghĩa vụ công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- 10.5 Công ty thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các khoản nộp ngân sách nhà nước và các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật;
- 10.6 Thực hiện đầy đủ các cam kết và chịu trách nhiệm vật chất đối với các khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG III

VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

MỤC 1

VỐN

Điều 11: Các loại vốn của Công ty

Vốn hoạt động của Công ty gồm có: Vốn điều lệ, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác.

Điều 12: Vốn điều lệ :

- 12.1 Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là: 10.000.000.000 VND (*Mười tỷ đồng Việt Nam*);
- 12.2 Việc tăng/ giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 12.3 Vốn điều lệ sử dụng cho các mục đích:
- a. Mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Công ty;
 - b. Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ;
 - c. Thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - d. Mua cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác, góp vốn liên doanh;
 - e. Các dự trữ cần thiết về động sản và bất động sản.
- 12.4 Không dùng vốn điều lệ để chia lợi tức cổ phần cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào;
- 12.5 Khi có sự thay đổi vốn điều lệ (tăng hoặc giảm vốn điều lệ), điều khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

Điều 13: Vốn huy động

Các hình thức huy động vốn của Công ty bao gồm:

- 13.1 Phát hành các loại chứng khoán khi có đủ điều kiện và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- 13.2 Vay vốn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- 13.3 Các hình thức huy động vốn khác được pháp luật cho phép.

Điều 14: Vốn tích lũy

Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, được sử dụng để mở rộng và phát triển Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân và các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

MỤC 2

CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 15: Cổ phần, cổ phiếu

- 15.1 Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau, mỗi phần được gọi là một cổ phần;
- 15.2 Cổ phần có thể được góp bằng hiện vật, vàng, ngoại tệ, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ cần thiết cho hoạt động của Công ty và phải được Hội đồng quản trị đánh giá lại theo đúng quy định của pháp luật, được tính thành tiền Việt Nam (VND) để xác định số lượng cổ phần ngay tại thời điểm góp vốn;
- 15.3 Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được chia thành 1.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10.000 VND;
- 15.4 Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty;
- 15.5 Số tiền ghi trên cổ phiếu là mệnh giá cổ phiếu; cổ phiếu của Công ty có một hoặc nhiều mệnh giá, mệnh giá tối thiểu của một cổ phiếu bằng giá trị của một cổ phần.

Điều 16: Hình thức cổ phần

Tất cả các cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

Điều 17: Hình thức cổ phiếu

17.1 Cổ phiếu của Công ty được phát hành dưới dạng chứng chỉ theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

17.2 Nội dung cổ phiếu:

- a. Tên Công ty, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- d. Mệnh giá một cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- e. Tên và địa chỉ cổ đông (đối với cổ phiếu ghi danh);
- f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
- h. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

17.3 Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp phát hành cổ phiếu dưới 2 hình thức:

- a. Cổ phiếu ghi danh:
 - Là cổ phiếu của cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước và cổ phiếu mua theo giá ưu đãi của cán bộ công nhân viên;
 - Mỗi cổ phiếu ghi danh phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của pháp nhân hay cá nhân sở hữu, được đóng dấu của Công ty, ghi rõ số cổ phiếu, loại cổ phiếu và số tiền đóng góp;
 - Việc chuyển nhượng cổ phiếu này phải tuân theo các quy định tại Điều 20 của bản Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.
- b. Cổ phiếu không ghi danh :
 - Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng quy định chi tiết tại điểm a khoản 17.3 nêu trên;
 - Cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng thêm vốn điều lệ; cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông;
 - Cổ phiếu ghi danh đã được chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này.

- 17.4 Trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu (hình thức bút toán ghi sổ). Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 18.2 Điều 18 của bản Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

Điều 18: Sổ đăng ký cổ đông

- 18.1 Hình thức và nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông: Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ dưới dạng văn bản và tập dữ liệu điện tử tại trụ sở chính của Công ty.
- 18.2 Nội dung của sổ đăng ký cổ đông:
- Tên, trụ sở của Công ty;
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán;
 - Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

Điều 19: Chào bán cổ phần

- 19.1 Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau:
- a. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;
 - b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh phát hành. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ % giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán;
 - c. Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định.
- 19.2 Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu cho các cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị rách, bị mờ, hư hỏng hay bị mất, thì cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải thông báo cho Công ty biết bằng văn bản một cách sớm nhất và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định;
- 19.3 Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 20: Chuyển nhượng cổ phần

Cổ phần phổ thông của các cổ đông không phải là thành viên Hội đồng quản trị được phép chuyển nhượng tự do và tuân thủ theo quy định về quản lý cổ đông của Công ty;

- 20.1 Khi Công ty chính thức niêm yết cổ phần của mình trên thị trường chứng khoán, việc chuyển nhượng cổ phiếu không ghi danh sẽ do Trung tâm giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 21: Thừa kế cổ phần

- 21.1 Trường hợp một cổ đông qua đời, chỉ người (những người) sau đây được Công ty công nhận có quyền sở hữu đối với cổ phần của người đã mất:

- a. Người (những người) thừa kế hợp pháp theo quy định của pháp luật về thừa kế;
- b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty chỉ thừa nhận người đại diện sở hữu này và không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

- 21.2 Sau khi trình đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục quy định để người có quyền thừa kế hợp pháp được sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

Điều 22: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Công ty

- 22.1 Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán. Tất cả các cổ phần Công ty mua lại được coi là số cổ phiếu của Công ty;
- 22.2 Đại hội đồng cổ đông quyết định việc mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông đã bán của Công ty; trường hợp mua lại dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 23: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

- 23.1 Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ này. Cổ đông có yêu cầu phải làm thủ tục và chấp hành thời hạn theo luật định. Thời hạn mua lại trong 90 ngày kể từ ngày Công ty nhận được yêu cầu;
- 23.2 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại (theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty), nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần

được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định trên, các cổ đông đã được thanh toán phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty;

23.3 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại;

23.4 Giá mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định và tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm b, khoản này;
- b. Công ty trực tiếp mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty; trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần phải được thông báo tới tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn cổ đông chào bán.

MỤC 3

CỔ ĐÔNG

Điều 24: Quy định chung về cổ đông

24.1 Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty nhưng không được quá mức quy định của pháp luật. Số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa;

- a. Cổ đông sáng lập : Tên, địa chỉ, số lượng và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập được nêu tại Phụ lục I (Đính kèm theo Điều lệ này).
- b. Số lượng cổ phần sở hữu tối thiểu của cổ đông sáng lập:
 - Đối với cổ đông là pháp nhân: 10 % tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty;

- Đối với cổ đông là thể nhân: 1,5 % tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty;
- 24.2 Trường hợp một cổ đông là pháp nhân thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) thì pháp nhân mới được kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông pháp nhân này phải gửi Hội đồng quản trị Công ty các văn bản pháp lý về việc kế thừa;
- 24.4 Trường hợp một cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác hoặc có thể đề nghị Công ty mua lại.

Điều 25: Quyền lợi của cổ đông

25.1 Quyền lợi của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông:

- a. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp dựa trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh cuối mỗi năm tài chính;
- c. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 20 của bản Điều lệ này;
- d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; tỷ lệ trên không được vận dụng đối với việc mua trái phiếu của Công ty (nếu có);
- e. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ;
- f. Được cung cấp thông tin định kỳ hay đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty;
- g. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông; người được ủy quyền tham dự không được ứng cử với tư cách của chính mình;
- h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ

đồng bất thường trong các trường hợp quy định tại điểm b khoản 29.1 Điều 29 của bản Điều lệ này;

25.2 Quyền lợi của cổ đông sáng lập:

- a. Có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát
- b. Được hưởng các quyền như mọi cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty.

Điều 26: Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông

- 26.1 Thanh toán đủ vốn cổ phần đã cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
- 26.2 Không được rút vốn điều lệ dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động hoặc Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần
- 26.3 Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- 26.4 Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- 26.5 Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;
- 26.6 Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định trong bản Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT

MỤC 1

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 27: Đại hội đồng cổ đông

- 27.1 Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông họp mỗi năm một lần.
- 27.2 Đại hội đồng cổ đông gồm: Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 28: Đại hội đồng cổ đông thường niên

- 28.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 150 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

28.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền được quy định tại Điều 31 của bản Điều lệ này.

Điều 29: Đại hội đồng cổ đông bất thường

29.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Khi Hội đồng quản trị nhận thấy vấn đề phát sinh có thể ảnh hưởng không tốt tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và lợi ích của cổ đông thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng hoặc của Ban kiểm soát nếu có lý do tin tưởng rằng Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định tại Điều 49 của bản Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc nhận thấy có dấu hiệu bất thường trong hoạt động tài chính hay hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- c. Bãi miễn, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp quy định tại khoản 40.2 Điều 40 và khoản 51.3 Điều 51 của bản Điều lệ này;
- d. Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

29.2 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện nêu tại khoản 29.1 Điều này;

29.3 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

29.4 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm b khoản 29.1 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

Điều 30: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông

30.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết;

- 30.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên (khoản 30.1), thì triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết;
- 30.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành như quy định trên (khoản 30.2) thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp;
- 30.4 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 30.5 Giấy triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo chương trình nghị sự và các tài liệu thảo luận phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc. Giấy triệu tập họp và dự thảo nội dung chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- 30.6 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- 30.7 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc;
- 30.8 Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội và lập danh sách hiện diện (kèm theo sổ cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện);
- 30.9 Đại hội đồng cổ đông thành lập do đại diện vốn nhà nước làm chủ tọa. Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa;
- 30.10 Chủ tọa thông qua Đại hội bầu ra thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu (thành viên Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông thông qua). Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của 02 kiểm phiếu viên và được chủ tọa cùng thư ký đại hội ký xác nhận;

30.11 Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 30.12 và có chữ ký của chủ tọa, thư ký đại hội; phải được hoàn tất và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc 02 thành viên Hội đồng quản trị hoặc Trưởng ban kiểm soát mới có giá trị.

30.12 Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chương trình làm việc, tên chủ tọa và thư ký;
- c. Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự;
- d. Tóm tắt các phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
- e. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua;
- f. Tổng số phiếu đối với từng vấn đề biểu quyết;
- g. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

30.13 Tất cả chi phí cần thiết, hợp lý để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty thanh toán; các chi phí này sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chi để tham dự Đại hội đồng cổ đông, như chi phí đi lại, lưu trú và các chi phí liên quan khác.

Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- 31.1 Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, thông qua báo cáo của Ban kiểm soát;
- 31.2 Thông qua báo cáo quyết toán năm tài chính; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
- 31.3 Quyết định phương hướng, nhiệm vụ của năm tài chính mới;
- 31.4 Quyết định việc tăng giảm vốn điều lệ, loại cổ phần phát hành mới và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- 31.5 Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành.
- 31.6 Quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc trên 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;

- 31.7 Quyết định mức cổ tức hàng năm của cổ phần phổ thông;
- 31.8 Quyết định về tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 31.9 Bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của bản Điều lệ này;
- 31.10 Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- 31.11 Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty, các chi nhánh, văn phòng đại diện, các đơn vị trực thuộc của Công ty;
- 31.12 Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 31.13 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 32: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 32.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty;
- 32.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân; tên, trụ sở đối với tổ chức; số lượng cổ phần của từng cổ đông;
- 32.3 Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- 32.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- 32.5 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng;
- 32.6 Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- 32.7 Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông:
- a. Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp dự họp hay ủy quyền bằng văn bản cho một người khác đại diện mình tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử nhưng không được ứng cử, đề cử tại Đại hội đồng cổ đông với tư cách cá nhân mình; người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của Công ty;

b. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc Đại hội mới được thực hiện các quyền hạn được ủy quyền;

c. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu;

d. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba;

e. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi cho Hội đồng quản trị trước ngày Đại hội đồng cổ đông được tiến hành.

Điều 33: Thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến của tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội bằng văn bản.

33.1 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

- a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; biểu quyết Đại hội đồng cổ đông phải công khai, trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín;
- b. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

33.2 Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng phiếu :

- a. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp nhận;
- b. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu liên quan đến vấn đề cần lấy ý kiến kèm theo Phiếu lấy ý kiến và gửi cho tất cả các cổ đông, trong đó quy định cụ thể ngày chậm nhất cổ đông phải trả lời những vấn đề được hỏi ý kiến;

- c. Phiếu trả lời của các cổ đông phải ghi rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý những vấn đề được hỏi ý kiến và được gửi về trụ sở Công ty qua đường thư hay đường fax;
- d. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tập hợp ý kiến của các cổ đông và lập biên bản đề ra nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng phiếu lấy ý kiến có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

33.3 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo bằng văn bản đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

Điều 34: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu tòa án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;
- b. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.

MỤC 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 35: Tổ chức Hội đồng quản trị

- 35.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, gồm 05 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm với đa số phiếu biểu quyết chấp thuận theo thể thức bỏ phiếu kín;
- 35.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng quản trị do các thành viên Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm;
- 35.3 Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là 05 năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 1/3 thành viên cũ.

Điều 36: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

36.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:

- a. Đại diện quyền sở hữu cổ phần của các cổ đông pháp nhân chiếm từ 7% vốn điều lệ trở lên, đối với cổ đông thể nhân chiếm từ 1,5 % vốn điều lệ trở lên;
- b. Có năng lực và kinh nghiệm trong kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
- c. Có sức khỏe, có đạo đức, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.

36.2 Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 37: Chủ tịch Hội đồng quản trị

37.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.

37.2 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị;

37.3 Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi, thời hạn quy định tại giấy ủy quyền và không được ủy quyền lại cho người thứ ba;

37.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Điều 38: Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

38.1 Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;

- b. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành của Công ty; các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- c. Quyết định thành lập công ty trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện;
- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc Công ty;
- e. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện Công ty, Giám đốc công ty trực thuộc theo đề nghị của Tổng giám đốc;
- f. Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc Công ty;
- g. Cử một Phó Tổng giám đốc tạm thời đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc trong trường hợp Tổng giám đốc bị mất khả năng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc bị Hội đồng quản trị tạm đình chỉ quyền điều hành Công ty do vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- h. Xem xét và quyết định hình thức xử lý sai phạm của Tổng giám đốc gây thiệt hại cho Công ty và quyết định các biện pháp cần thiết để khắc phục;
- i. Quyết định mức lương, thưởng và hình thức xử lý kỷ luật đối với những sai phạm của các cán bộ quản lý Công ty quy định tại điểm e theo đề nghị của Tổng giám đốc;
- j. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần phổ thông được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- k. Quyết định giá chào bán cổ phần của Công ty;
- l. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần phổ thông đã bán; quyết định giá mua lại cổ phần;
- m. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- n. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- o. Quyết định chính sách đầu tư của Công ty; thông qua phương án đầu tư do Tổng giám đốc đệ trình;
- p. Quyết định bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty;
- q. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty trong trường hợp một bên ký kết của hợp đồng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10%

số cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan của họ; thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký kết hợp đồng không có quyền biểu quyết;

- r. Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- s. Quyết định việc phát hành trái phiếu của Công ty: loại trái phiếu, tổng giá trị phát hành, thời điểm phát hành;
- t. Thông qua việc định giá tài sản vốn góp không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ và các tài sản khác;
- u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- v. Trình Đại hội đồng cổ đông:
 - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - Quyết định việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - Xem xét và quyết định hình thức xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông;
 - Thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập trong 03 năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - Quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty;
 - Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty trong trường hợp một bên ký kết của hợp đồng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan của họ;
 - Quyết định mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

w. Thực hiện việc khởi kiện của Công ty đối với các cán bộ quản lý Công ty cũng như quyết định việc đại diện Công ty trong quá trình tố tụng đối với các cán bộ quản lý này;

x. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.

38.2 Hội đồng quản trị không được trực tiếp hay gián tiếp:

a. Cho bất kỳ cổ đông nào của Công ty vay tiền;

b. Bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản cầm cố, thế chấp cho cổ đông để vay tiền;

c. Bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản cầm cố, thế chấp cho một Công ty khác để vay tiền;

d. Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Công ty cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.

38.3 Trách nhiệm của Hội đồng quản trị sau Đại hội đồng cổ đông thành lập:

Hội đồng quản trị được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thành lập có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ tài sản, lao động, hồ sơ tài liệu của công ty và giải quyết tiếp các công việc còn lại của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp; hoàn tất các thủ tục quy định để đưa Công ty chính thức đi vào hoạt động và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những công việc này.

Điều 39: Hoạt động của Hội đồng quản trị

39.1 Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý 01 lần; trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 05 tháng để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Phiên họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa;

39.2 Hội đồng quản trị sẽ triệu tập phiên họp bất thường khi có yêu cầu của một trong các đối tượng sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b. Tổng giám đốc;

c. Trưởng Ban kiểm soát;

d. 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên.

39.3 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định

cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền chủ tọa cuộc họp;

39.4 Mọi quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản phải được thông qua và có đầy đủ chữ ký của chủ tọa, thư ký phiên họp và các thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

39.5 Hội đồng quản trị có thể họp, thông qua nghị quyết bằng cách lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền;

39.6 Trường hợp Hội đồng quản trị họp, thông qua nghị quyết bằng cách lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu liên quan đến các vấn đề cần lấy ý kiến có ghi rõ thời hạn phải trả lời gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định, ghi rõ ý kiến của mình. Chủ tịch Hội đồng quản trị tập hợp các ý kiến và ra nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định;

39.7 Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập chương trình, kế hoạch tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trước pháp luật, trước các cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị và hiệu quả hoạt động của Công ty.

39.8 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công; thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình;

39.9 Thành viên Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
- b. Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
- c. Thực hiện Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị;

- d. Được quyền yêu cầu các cán bộ trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- e. Thành viên Hội đồng quản trị là người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định hiện hành của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác;
- f. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 40: Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

40.1 Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a. Chết, hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b. Có đơn xin từ chức;
- c. Không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu do Điều lệ Công ty quy định;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 12 tháng trở lên mà không được phép của Hội đồng quản trị;
- e. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
- f. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
- g. Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án;
- h. Không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

40.2 Thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- a. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét;

- b. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì trong vòng 10 ngày Hội đồng quản trị phải họp bất thường để bầu người thay thế;
- c. Trường hợp khuyết 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 41: Quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị

- 41.1 Các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định; mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do tập thể Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- 41.2 Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, lưu trú và các khoản chi phí cần thiết, hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
- 41.3 Mọi chi phí hoạt động hợp lý của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

MỤC 3

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 42: Tổng giám đốc

- 42.1 Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- 42.2 Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và phải là cổ đông Công ty; Tổng giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị;
- 42.3 Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 43: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc Công ty phải là người có đầy đủ các điều kiện sau:

- 43.1 Có trình độ đại học trở lên thuộc các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hay kỹ thuật có liên quan, có ít nhất 05 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật;
- 43.2 Không được đồng thời giữ bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại Công ty khác, trừ trường hợp đó là công ty trực thuộc và chỉ giữ chức danh quản trị, kiểm soát tại công ty trực thuộc đó.

Điều 44: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

- 44.1 Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- 44.2 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn cơ cấu tổ chức, bộ máy giúp việc và quy chế quản lý nội bộ công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm;
- 44.3 Bảo toàn và phát triển vốn; tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- 44.4 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm;
- 44.5 Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định);
- 44.6 Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty theo luật định trừ những hợp đồng quy định tại Điều 38 của bản Điều lệ này và phải trình Hội đồng quản trị trước khi ký;
- 44.7 Trình Hội đồng quản trị việc bán số tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty;
- 44.8 Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất;
- 44.9 Quyết định mức lương, phụ cấp, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 44.10 Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

- 44.11 Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty trừ những trường hợp quy định tại điểm w khoản 38.1 Điều 38 của bản Điều lệ này;
- 44.12 Có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đồng thời phải có trách nhiệm báo cáo ngay cho Ban kiểm soát;
- 44.13 Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
- 44.14 Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- 44.15 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.

Điều 45: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

- 45.1 Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ thì Tổng giám đốc chỉ được ký kết theo quy định sau:
- a. Đối với các hợp đồng trị giá bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;
 - b. Đối với các hợp đồng trị giá nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.
- 45.2 Trường hợp hợp đồng quy định tại khoản 45.1 trên được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường.

Điều 46: Ủy quyền

- 46.1 Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho các Phó Tổng giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình;
- 46.2 Các trưởng phòng, ban trong Công ty có thể ủy quyền cho các nhân viên cấp dưới của mình;
- 46.3 Mọi sự ủy quyền đều phải thực hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền và thời hạn ủy quyền.

Điều 47: Từ nhiệm, đương nhiên mất tư cách

- 47.1 Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;
- 47.2 Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a. Chết, hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Tự ý bỏ nhiệm sở trong vòng 05 ngày làm việc liên tục mà không có lý do chính đáng và không ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Tổng giám đốc thực hiện chức năng quyền hạn của mình;
 - c. Mất quyền công dân;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 47.3 Trường hợp Tổng giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải chỉ định một Phó Tổng giám đốc tạm thời thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Điều 48: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:

- 48.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty;
- 48.2 Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho

người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

48.3 Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

- a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;
- b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
- c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này;
- d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

48.4 Các nghĩa vụ khác do pháp luật và bản Điều lệ này quy định.

MỤC 4

BAN KIỂM SOÁT

Điều 49: Tổ chức Ban kiểm soát

49.1 Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty;

49.2 Ban kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp và bỏ phiếu kín. Các thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại;

49.3 Trưởng Ban kiểm soát do các thành viên Ban kiểm soát bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp, bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết; Trưởng Ban Kiểm soát phải là Kế toán viên hoặc kiểm toán chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn;

49.4 Trường hợp kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 50: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát

50.1 Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

50.2 Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 51 Từ nhiệm, miễn nhiệm, bổ sung Thành viên Ban kiểm soát

51.1 Thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Đại hội đồng cổ đông;

51.2 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, mất tư cách trong các trường hợp sau:

- a. Chết, hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b. Có đơn xin từ chức;
- c. Không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng trở lên mà không được phép của Ban kiểm soát ;
- d. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
- e. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
- f. Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án;
- g. Không còn đủ tư cách làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

51.3 Trong nhiệm kỳ có khuyết Thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung. Trong trường hợp khuyết Thành viên Ban kiểm soát mà các Thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính - kế toán hoặc 2/3 thành viên Ban kiểm soát trở lên bị khuyết thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 60 ngày để bầu bổ sung;

Điều 52: Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

52.1 Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty;

- b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hay nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;
- c. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- e. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- f. Được quyền yêu cầu các phòng, ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- g. Thông báo định kỳ kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị;
- h. Không được tiết lộ bí mật Công ty; không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường cũng như gây gián đoạn trong điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty;
- i. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật. Trường hợp phát hiện thấy có sai phạm mà không báo cáo sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- j. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

52.2 Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban kiểm soát;
- c. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường;

- d. Được quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 52.3 Các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao. Tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định; mức thù lao cho từng thành viên Ban kiểm soát sẽ do tập thể Ban kiểm soát quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- 52.4 Mọi chi phí cho việc đi công tác, thực hiện nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông giao (bằng văn bản) được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

CHƯƠNG V

NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 53: Quyền lợi của người lao động trong Công ty

- 53.1 Người lao động trong Công ty được hưởng những quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và của Công ty;
- 53.2 Tổng giám đốc sẽ căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện của Công ty để xây dựng trình Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và những người lao động trong Công ty.

CHƯƠNG VI

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 54: Hạch toán

- 54.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó;

- 54.2 Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật Kế toán và chế độ kế toán hiện hành;
- 54.3 Cuối mỗi niên khoá, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua báo cáo quyết toán tài chính để trình Đại hội đồng cổ đông;
- 54.4 Cuối mỗi niên khoá, Công ty lập các báo cáo tài chính sau:
- Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12;
 - Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo luân chuyển tiền tệ (nếu có);
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.
- 54.5 Các báo cáo này phải được hoàn thành vào ngày 10 tháng 2 năm tiếp theo năm báo cáo và được gửi tới Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày hoàn thành;
- 54.6 Sau Đại hội đồng cổ đông, các báo cáo tài chính nêu trên cùng với báo cáo của Ban kiểm soát, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty tối thiểu trong 10 năm theo Quy định Luật kế toán để các cổ đông có thể xem xét khi cần thiết.

Điều 55: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ

- 55.1 Lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 55.2 Công ty trích lập các quỹ sau:
- Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tài chính;
 - Quỹ đầu tư phát triển;
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- 55.3 Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 56: Cổ tức

- 56.1 Công ty được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và

ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;

56.2 Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức;

56.3 Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 57: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông cho phép Hội đồng quản trị quyết định giải quyết kịp thời các giải pháp và báo cáo lại với Đại hội cổ đông:

- a. Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ;
- b. Trích từ quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ
- c. Chuyển một phần lỗ sang năm sau; đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG VII

TỔ TỤNG, TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, THANH LÝ

Điều 58: Chấm dứt hoạt động

58.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- c. Bị thu hồi đăng ký kinh doanh;

- d. Bị Toà án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

58.2 Thủ tục giải thể hay phá sản Công ty được tiến hành theo quy định của pháp luật.

Điều 59 : Thanh lý

59.1 Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu Ban thanh lý gồm 05 thành viên để làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Các thành viên Ban thanh lý có thể được lựa chọn từ trong Công ty hoặc thuê chuyên gia (nếu cần);

59.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo với cơ quan đăng ký kinh doanh về việc được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước toà án và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

59.3 Tiền thu được từ thanh lý Công ty sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động trong Công ty;
- c. Thuế và các khoản chi phí có tính chất thuế mà Công ty phải nộp;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán các khoản mục từ a đến e nêu trên được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần nắm giữ.

Điều 60: Tổ tụng, tranh chấp

60.1 Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân và thể nhân khi có tổ tụng, tranh chấp;

60.2 Mọi cổ đông đều có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do sai phạm cố ý của bất kỳ cá nhân nào trong Công ty gây ra. Trong thời hạn 60 ngày, nếu Hội đồng quản trị không giải quyết khiếu nại, thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 61: Con dấu

- 61.1 Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của pháp luật và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi sử dụng;
- 61.2 Tổng giám đốc có trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 61.3 Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 62 : Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

- 62.1 Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ này phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 65% quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hay qua đại diện;
- 62.2 Các nội dung khác không quy định trong bản Điều lệ này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 63 : Hiệu lực thi hành

- 63.1 Bản Điều lệ này gồm 8 chương 63 điều, được Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV 2019 - 2023 Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp nhất trí sửa đổi bổ sung lần thứ 5 đã được Đại hội cổ đông thống nhất thông qua ngày 05/05/2021 tại Thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này;
- 63.2 Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó :
- a. Một bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của tỉnh Đồng Tháp.
 - b. Năm bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
 - c. Bốn bản lưu giữ tại Văn phòng Công ty.
- 63.3 Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông Ngày 21 tháng 04 năm 2017, sửa đổi bổ sung lần thứ 5 đã được Đại hội cổ đông thống nhất thông qua ngày 05/05/2021 này là duy nhất và chính thức của Công ty; Điều lệ này được thay thế Điều lệ tổ chức hoạt động ngày 21 tháng 04 năm 2017.

- 63.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị;
- 63.5 Bản Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày bản Điều lệ được đăng ký với Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Tháp sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TP. Cao Lãnh, ngày 05 tháng 05 năm 2021.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TRẦN THANH TÚ

PHỤ LỤC I

CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn %	Số giấy CMND/ Số quyết định thành lập.
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Người đại diện vốn góp: Ông Lê Văn Hòa)	Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.	Phổ thông	320.000	3.200	32	0106000689 Sở KHĐT TP Hà Nội, cấp ngày 21/4/2006
2	Ngô Việt Tấn	97, Nguyễn Đình Chiểu, phường 1, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp	Phổ thông	52.000	520	5,2	340001185, CA Đồng Tháp, cấp ngày 10/7/2008
3	Nguyễn Văn Thành	66, Lê Quý Đôn, phường 1, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp	Phổ thông	58.628	586,28	5,8628	340186220, CA Đồng Tháp, cấp ngày 17/7/2008

4	Huỳnh Thuận	Kim	82, Phùng Khắc Khoan, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp	Phổ thông	26.880	260,88	2,688	340049985, CA Đồng Tháp, cấp ngày 10/7/2008
---	----------------	-----	---	--------------	--------	--------	-------	---

MỤC LỤC

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỄN THÔNG ĐỒNG THÁP

CHƯƠNG I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG	02
Điều 1: Tên Công ty	02
Điều 2: Trụ sở Công ty	02
Điều 3: Tư cách pháp nhân	02
Điều 4: Mục tiêu và lĩnh vực sản xuất kinh doanh	03
Điều 5: Thời hạn hoạt động	06
Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành Công ty	06
Điều 7: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và tổ chức chính trị xã hội khác	07
CHƯƠNG II: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG TY	07
MỤC 1: QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY	07
Điều 8: Quyền của Công ty	07
MỤC 2: NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	08
Điều 9: Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	08
Điều 10: Nghĩa vụ quản lý tài chính Công ty	09
CHƯƠNG III: VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG	10
MỤC 1 : VỐN	10
Điều 11: Các loại vốn của Công ty	10
Điều 12: Vốn điều lệ	10
Điều 13: Vốn huy động	10
Điều 14: Vốn tích lũy	11

MỤC 2: CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU	11
Điều 15: Cổ phần, cổ phiếu	11
Điều 16: Hình thức cổ phần	11
Điều 17: Hình thức cổ phiếu	11
Điều 18: Sổ đăng ký cổ đông	13
Điều 19: Chào bán cổ phần	13
Điều 20: Chuyển nhượng cổ phần	13
Điều 21: Thừa kế cổ phần	14
Điều 22: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Công ty	14
Điều 23: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông	14
MỤC 3: CỔ ĐÔNG	15
Điều 24: Quy định chung về cổ đông	15
Điều 25: Quyền lợi của cổ đông	16
Điều 26: Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông	17
CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT	17
MỤC 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	17
Điều 27: Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 28: Đại hội cổ đông thường niên	17
Điều 29: Đại hội cổ đông bất thường	18
Điều 30: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 32: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 33: Thông qua các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 34: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 35: Tổ chức Hội đồng quản trị	24
Điều 36: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	24

Điều 37: Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 38: Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị	25
Điều 39: Hoạt động của Hội đồng quản trị	28
Điều 40: Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT	30
Điều 41: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị	31
MỤC 3: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC	31
Điều 42: Tổng giám đốc	31
Điều 43: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc	32
Điều 44: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc	32
Điều 45: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	33
Điều 46: Ủy quyền	34
Điều 47: Từ nhiệm, đương nhiên mất tích	34
Điều 48: Nghĩa vụ của người quản lý công ty	35
MỤC 4: BAN KIỂM SOÁT	35
Điều 49: Tổ chức Ban Kiểm soát	35
Điều 50: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Kiểm soát	36
Điều 51: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bổ sung thành viên Ban Kiểm soát	36
Điều 52: Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát	36
CHƯƠNG V: NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY	38
Điều 53: Quyền lợi của người lao động trong Công ty	38
CHƯƠNG VI: HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ	38
Điều 54: Hạch toán	38
Điều 55: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ	39
Điều 56: Cổ tức	39
Điều 57: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ	40
CHƯƠNG VII: TỔ TỤNG, TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, THANH LÝ	40
Điều 58: Chấm dứt hoạt động	40

Điều 59: Thanh lý	41
Điều 60: Tổ tụng, tranh chấp	41
CHƯƠNG VIII: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG	42
Điều 61: Con dấu	42
Điều 62: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	42
Điều 63: Hiệu lực thi hành	42